

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/ MÔ ĐUN

Lớp: **TBV22B1**

Năm học: **22-23**

Mã MH/MĐ: **MH04066**

Học kỳ: **01**

Tên MH/MĐ: **ĐTPH dịch hại cây trồng**

Số TC: **4**

STT	MSHS	Họ tên		Ngày sinh	Hệ số 1				Hệ số 2				Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
1	2256201161340	Trần Thanh	Danh	29/11/2005			8.5	9	9.0	9.0			4.5	8.3	8.5
2	2256201161343	Chau Sóc	Ron	05/01/2004			7.5	8.5	8.0	8.0			4.5	9.0	8.6
3	2256201161344	Phan Thành	Long	09/12/2007			7	7	6.5	7.5			3.5	4.5	5.5
4	2256201161345	Trần Nhựt	Trường	12/07/2004			8.5	9	8.5	8.5			6.0		7.0
5	2256201161346	Phan Thị Kim	Tiền	06/05/2006			6	6	6.0	6.0			5.5		5.7
6	2256201161390	Trần Trung	Cường	05/10/2007			7	7.5	7.0	7.5			3.0	4.5	5.6
7	2256201161391	Nguyễn Thái	Dương	28/04/2004			8.5	9	9.0	9.0			4.5	9.0	9.0
8	2256201161393	Đặng Thành	Hiếu	20/08/2007			6	6	6.0	6.0			3.5	2.0	4.5
9	2256201161394	Huỳnh Trung	Huy	26/05/2007			6.5	6.5	7.0	6.5			4.8	9.0	8.1
10	2256201161395	Nguyễn Văn	Huy	11/03/2007			6.5	6	7.0	6.5			4.5	8.5	7.7
11	2256201161396	Đoàn Chấn	Khang	20/07/2007			7	6.5	7.0	7.0			5.0		5.8
12	2256201161397	Nguyễn Thanh	Ngọc	02/03/2000			9	9	9.0	9.0			9.5		9.3
13	2256201161398	Trần Thị Yên	Ngọc	11/05/2007			7	7	7.0	7.0			6.5		6.7
14	2256201161400	Võ Thanh	Phong	12/03/1999			8	8	8.0	8.5			4.0	9.0	8.7
15	2256201161401	Chau	Rích	29/12/2004			7	7	7.0	7.0			5.0		5.8
16	2256201161403	Trần Minh	Tính	20/07/2005			7	6	6.0	6.0			4.5	6.0	6.1
17	2256201161404	Nguyễn Phước	Toàn	19/10/2003			8.5	9	9.0	9.0			8.0		8.4
18	2256201161405	Hồ Minh	Triết	01/07/2007			6.5	7	7.0	7.0			6.5		6.7
19	2256201161406	Phạm Luân Bền	Vững	11/05/2006			7.5	7	7.0	7.0			5.5		6.1
20	2256201161407	Nguyễn Ngọc Tường	Vy	30/08/2006			5.5	6	6.0	6.5			4.0	4.5	5.1

Châu Đốc, ngày 20 tháng 7 năm 2023

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Ngô Thị Thanh Tâm